LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 16-LCT/HĐNN8 ngày 13-3-1989 công bố Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp, và thuế hàng hóa đã được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 3 tháng 3 năm 1989.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

PHÁP LỆNH ngày 3-3-1989 sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa.

Để phát huy tác dụng của chính sách thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa trong tình hình hiện nay;

Căn cứ vào điều 83 và điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị quyết về Dự toán ngân sách Nhà nước 1989 ngày 22 tháng 12 năm 1988 của Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 4;

Pháp lệnh này sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa.

Điều 1. — Thay thế biểu thuế thuế hàng hóa ban hành theo điều 7 của Pháp lệnh ngày 26 tháng 2 năm 1983 bằng biểu thuế thuế hàng hóa dưới đây:

Số thứ tự	Nhóm hàng, mặt hàng	Thuế suất (%) trên trị giá tính thuế
1	2	3
	I. HÀNG CÔNG NGHIỆP	
1	Thuốc lá điếu:	
	— Có đầu lọc	60
	— Không có đầu lọc	40
2	Các loại rượu	60
	Riêng: Rượu chế biến từ ri đường và hoa quả	40
3	Các loại bia	40
4	Vàng mã	70
5	Pháo	60
6	Bài lá	50
7	Các loại mỹ phẩm	40
8	Hương, nến	30

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1	2	3
9	Nước ngọt, nước giải khát đóng chai, đóng hộp	20
10	Kem máy, nước đá	25
11	Nước trái cây lên men, nếp ga	30
12	Nước mắm, nước chấm	10
13	Các loại mật, đường	10
14	Các loại xà phòng	10
15	Hàng tiêu dùng bằng kim khí, sứ, gốm, sành, thủy tinh, nhựa, cao su, da, giả da, gỗ thông thường (không kể đồ chơi trẻ em)	10
	Riêng: Hàng tiêu dùng bằng gỗ cao cấp	20
16	Đồ điện dân dụng, phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy	10
17	Hàng mỹ nghệ bằng sành, sứ, thủy tinh, xương, mây, song, sơn mài	10
	Riêng: Hàng mỹ nghệ bằng ngà	60
	II. HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM	
1	Thuốc lào, thuốc lá lá, thuốc sợi	40
2	Cau (tươi hoặc khô)	20
3	Hạt tiêu, cà phê	30
4	Chè búp khô, hạt điều	20
5	Hải sản:	
	– Yến, vây, bào ngư, hải sâm	30
	– Mực khô, tôm khô	20
	III. HÀNG ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU PHI MẬU DỊCH	
1	Hàng sản xuất trong nước	0
	Riêng: Hàng sơn mài, hàng khảm trai, hàng làm bằng ngà voi, đồi mồi và các loại hàng sản xuất bằng nguyên, vật liệu nhập ngoại	20
2	Hàng nhập tái xuất	35
	Riêng:	
	– Vidéo, thu hình mầu, radio cassette, thiết bị tăng âm, ghi âm, máy điều hòa nhiệt độ	50
	– Rượu, thuốc lá	50
	IV. HÀNG ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU PHI MẬU DỊCH	
1	Máy móc thiết bị (kể cả phụ tùng và linh kiện thay thế)	0
	Riêng các loại máy móc, thiết bị có công suất tương đương với máy móc, thiết bị mà trong nước đã sản xuất được:	
	– Máy tiện đường kính mâm cặp dưới 30mm	10
	– Máy khoan đường kính lỗ khoan dưới 25mm	10
	– Máy bào cỡ B665	10
	– Máy búa dưới 250kg	10
	– Máy dột dập đến 100T	5
	– Máy cắt, dột liên hợp đến 125T	5

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965533342

1	2	3
	– Trạm thủy điện đến 1.000kw	5
	– Động cơ điện xoay chiều 3 pha công suất đến 200kw	10
	– Động cơ diésel công suất đến 50cv	10
	– Máy biến thế công suất đến 2.500 kvA, điện áp đến 35kv	10
	– Bơm thủy lợi công suất đến 8.000m³/h	10
	– Bơm nước 10LT16, LT160-50	10
	– Máy kéo công suất 12cv, BS12	5
	– Tàu thủy hơi kéo đến 1.000T	5
	– Máy phát điện chạy bằng Diésel đến 200kw	
2	Phương tiện vận tải	20
	Riêng :	
	– Xe lam	10
	– Xe ô-tô con và xe du lịch dưới 15 chỗ ngồi	50
3	Nguyên, nhiên, vật liệu, sản phẩm hóa học, cao su	5
	Riêng :	
	– Xi măng	30
	– Giấy cuốn thuốc lá, đầu lọc thuốc lá, giấy cuốn đầu lọc thuốc lá	20
	– Dược liệu	3
	– Phân bón hóa học	0
4	Hàng thực phẩm	20
	Riêng :	
	– Sữa	10
	– Bánh kẹo	40
	– Rượu, bia	100
	– Thuốc lá, xì gà	100
5	Hàng công nghiệp tiêu dùng	25
	Riêng :	
	– Dược phẩm (đông dược và tân dược)	5
	– Quần áo may sẵn, các loại giầy, dép	30
	Riêng quần áo bò, áo Natô, áo phông	50
	– Xe đạp	40
	– Phụ tùng xe đạp	20
	– Vidéo cassette	50
	– Máy thu hình, radio cassette, cassette	40
	– Máy thu thanh, máy tăng âm, máy quay đĩa	30
	– Băng ghi hình, ghi tiếng :	
	Băng đã ghi hình, ghi tiếng	30
	Băng chưa ghi hình, ghi tiếng	20
	Băng bánh để sản xuất băng ghi hình, ghi tiếng	10
	– Phụ tùng, linh kiện điện tử lắp ráp hàng dân dụng :	
	Linh kiện điện tử rời (IKD)	3
	Cụm linh kiện điện tử (CKD)	7
	Cụm linh kiện điện tử hoàn chỉnh (SKD)	15
	– Xe máy	50
	– Phụ tùng xe máy	20
	– Mỹ phẩm và đồ trang sức không phải bằng kim loại quý, đá quý	50
	– Phụ tùng hàng dân dụng	10

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653342

Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch đối với hàng hóa nhập khẩu của công dân Việt Nam được Nhà nước cử đi lao động, làm chuyên gia và đi công tác, học tập ở nước ngoài.

Điều 2. — Thay thế điều 3 của Điều lệ thuế hàng hóa, ban hành theo Nghị quyết số 487-NQ/QH/K4 ngày 26-9-1974 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bằng điều 3 mới dưới đây:

Điều 3 mới. —

1. Đối với hàng sản xuất trong nước, mỗi mặt hàng chỉ chịu thuế hàng hóa một lần từ khi sản xuất cho đến khi tiêu thụ.

2. Trong khâu sản xuất, những mặt hàng đã nộp thuế hàng hóa thì không phải nộp thuế doanh nghiệp.

3. Đối với hàng công nghiệp sản xuất trong nước để xuất khẩu thì không phải nộp thuế hàng hóa nội địa.

4. Đối với hàng nông sản, hải sản xuất khẩu đã nộp thuế hàng hóa nội địa thì khi xuất khẩu được thoái trả cho đơn vị xuất khẩu, nếu có biên lai đã nộp thuế hàng hóa.

5. Đối với hàng công nghiệp sản xuất theo phương thức gia công thì chủ hàng đưa gia công nộp thuế hàng hóa khi nhận hàng tại địa phương sản xuất. Các trường hợp khác do cơ sở sản xuất nộp.

6. Những người, những tổ chức thu mua gom hàng nông sản, hải sản ở địa phương nào thì phải nộp thuế hàng hóa về số hàng đã thu mua tại địa phương đó. Trong trường hợp người sản xuất hàng nông sản, hải sản trực tiếp bán ra thị trường thì do người sản xuất nộp thuế hàng hóa.

Điều 3. — Thay thế thuế suất thuế doanh nghiệp ghi trong điều 4 của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo Quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung theo điều 2 của Pháp lệnh ngày 26-2-1983 và điều 1 của Pháp lệnh ngày 17-11-1987 bằng các thuế suất dưới đây:

— Các ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng, vận tải và sản xuất nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp: 1%, 3%, 5% theo ngành nghề.

— Ngành thương nghiệp: 2%, 4%, 6%, 8% theo ngành nghề.

— Ngành ăn uống: 4%, 6%, 8%, 10% theo ngành nghề.

— Ngành phục vụ ngân hàng: 3%, 5%, 8% theo ngành nghề.

Điều 4. — Bỏ suất miễn thu quy định tại điều 13, điều 14, điều 23 và điều 26 của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo Quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng mức khởi điểm để tính thuế lợi tức là 30.000đ/tháng.

Thay thế Biểu thuế thuế lợi tức từng phần, ban hành theo điều 2 của Pháp lệnh ngày 17-11-1987, bằng Biểu thuế thuế lợi tức từng phần ban hành kèm theo Pháp lệnh này.

Điều 5. — Thay thế điều 13, điều 23 và điều 26 của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo Quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bằng các điều mới sau đây:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

a) **Điều 13 mới.** — Đối với các cơ sở sản xuất, xây dựng, vận tải và kinh doanh nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp, thì lợi tức chịu thuế là tổng số doanh thu tháng nói ở điều 4 của Điều lệ thuế công thương nghiệp cộng (+) các khoản lợi tức phụ (nếu có), trừ (—) các khoản hao phí vật chất, các phí tổn hợp lệ và tiền lương bình quân xã hội của những người lao động chính thuê ngoài thực tế tham gia sản xuất, thực sự có hiệu quả kinh tế trong cơ sở.

b) **Điều 23 mới.** — Đối với các cơ sở kinh doanh ngành phục vụ, lợi tức chịu thuế là tổng số doanh thu tháng, nói ở điều 4 của Điều lệ thuế công thương nghiệp cộng (+) các khoản lợi tức phụ (nếu có), trừ (—) vốn mua hàng, hao phí vật chất, các phí tổn quản lý hợp lệ và tiền lương bình quân xã hội của những người lao động chính thuê ngoài thực tế tham gia phục vụ, thực sự có hiệu quả kinh tế trong cơ sở.

c) **Điều 26 mới.** — Đối với các cơ sở kinh doanh ngành thương nghiệp và ngành ăn uống, lợi tức chịu thuế là tổng số doanh thu tháng nói ở điều 4 của Điều lệ thuế công thương nghiệp cộng (+) các khoản lợi tức phụ (nếu có), trừ (—) vốn mua hàng, các phí tổn quản lý hợp lệ và tiền lương bình quân xã hội của những người lao động chính thuê ngoài thực tế tham gia kinh doanh, thực sự có hiệu quả kinh tế trong cơ sở.

Mức lương bình quân xã hội nói ở điểm a, b, c là:

— Đối với ngành sản xuất, xây dựng, vận tải: 40.000đ/tháng.

— Đối với ngành phục vụ: 35.000đ/tháng.

— Đối với ngành thương nghiệp, ăn uống: 30.000đ/tháng.

Điều 6. — Sửa đổi điều 39a của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo điều 5 của Pháp lệnh ngày 26-2-1983 và được sửa đổi, bổ sung theo điều 3 của Pháp lệnh ngày 17-11-1987 như sau:

Điều 39a mới. — Thuế môn bài thu hàng năm theo 6 mức: 5.000 đồng, 10.000 đồng, 25.000 đồng, 50.000 đồng, 90.000 đồng, 150.000 đồng.

Điều 7. — Thay thế điều 34 của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo Quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được sửa đổi theo điều 3 của Pháp lệnh ngày 23-6-1980, bằng điều 34 mới dưới đây:

Điều 34 mới. — Thuế buôn chuyến thu vào trị giá từng chuyến hàng theo Biểu thuế sau:

Mặt hàng	Thuế suất (%) tính trên trị giá hàng
— Rau quả, lương thực, thực phẩm tươi sống	4
— Các mặt hàng công nghệ phẩm sản xuất trong nước	6
— Nông, lâm, thủy, hải sản khô và các mặt hàng khác sản xuất trong nước	8
— Các mặt hàng ngoại	10

Trị giá hàng tính theo thời giá.

Thuế buôn chuyến chỉ thu một lần đối với mỗi chuyến hàng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Người buôn chuyến có trách nhiệm kê khai, nộp thuế trước khi vận chuyển hàng đi.

Bãi bỏ điều 39 của Điều lệ thuế công thương nghiệp, ban hành theo Quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 8. — Thẩm quyền xử phạt bằng tiền theo các mức quy định tại điều 45 của Điều lệ thuế công thương nghiệp và điều 16 của Điều lệ thuế hàng hóa, được điều chỉnh như sau:

1. Trưởng trạm thuế được phạt đến 50.000 đồng.

2. Trưởng phòng thuế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được phạt đến 200.000 đồng.

3. Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được phạt đến 500.000 đồng.

4. Chi cục trưởng Chi cục thuế tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương được phạt đến 600.000 đồng.

5. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương được phạt trên 600.000 đồng.

Điều 9. — Khi giá cả thị trường xã hội biến động từ 20% trở lên thì Hội đồng Bộ trưởng được phép điều chỉnh các định mức bằng tiền xác định trong Pháp lệnh này theo sát thời giá.

Điều 10. — Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1989.

Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

BIỂU THUẾ LỢI TỨC DOANH NGHIỆP LŨY TIẾN TỪNG PHẦN
áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh công thương nghiệp

(Ban hành kèm theo Pháp lệnh ngày 3 tháng 3 năm 1989)

Bậc	Mức lợi tức chịu thuế một tháng	Ngành sản xuất, vận tải, xây dựng,	Ngành phục vụ	Ngành thương nghiệp, ăn uống,
1	Đến 30.000 đồng	0	0	0
2	Trên 30.000 đồng đến 50.000 đồng	6	10	14
3	Trên 50.000 đồng đến 80.000 đồng	8	13	17
4	Trên 80.000 đồng đến 120.000 đồng	11	16	21
5	Trên 120.000 đồng đến 160.000 đồng	14	20	26
6	Trên 160.000 đồng đến 200.000 đồng	17	24	31
7	Trên 200.000 đồng đến 240.000 đồng	20	28	37
8	Trên 240.000 đồng đến 280.000 đồng	23	32	44
9	Trên 280.000 đồng đến 320.000 đồng	26	36	52
10	Trên 320.000 đồng	30	40	60

Đối với hộ cá thể, tư doanh kinh doanh ngành phục vụ, thương nghiệp, ăn uống, nếu lợi tức chịu thuế vượt quá 400.000đ/tháng, thì ngoài việc chịu thuế suất tối đa ghi trong Biểu thuế này còn phải chịu thuế suất bổ sung 10% cho phần lợi tức chịu thuế trên 400.000 đồng/tháng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653342